

10 ĐỀ THI GIỮA HK1 VẬT LÝ 8 NĂM 2020 - 2021

1. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 1

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

NĂM HỌC: 2020-2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

Phần A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khi nói trái đất quay quanh mặt trời, ta đã chọn vật nào làm mốc?

- A. Mặt trời. B. Trái đất. C. Ngôi sao. D. Một vật trên mặt đất.

Câu 2. Một thùng đựng đầy nước cao 80 cm. Áp suất tại điểm A cách đáy 20 cm là bao nhiêu? Biết trọng lượng riêng của nước là 10000 N/m^3 .

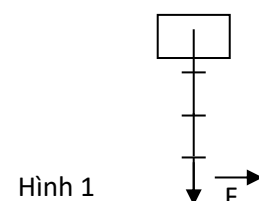
- A. 8000 N/m^2 B. 2000 N/m^2 C. 6000 N/m^2 D. 60000 N/m^2

Câu 3. Trong các chuyển động sau, chuyển động nào là đều:

- A. Chuyển động của xe buýt từ Thủy Phù lên Huế.
B. Chuyển động của quả dừa rơi từ trên cây xuống.
C. Chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.
D. Chuyển động của viên đạn khi bay ra khỏi nòng súng.

Câu 4. Hình 1 biểu diễn lực tác dụng lên vật có khối lượng 8 kg

- A. Tỷ xích 1cm ứng với 2N.
B. Tỷ xích 1cm ứng với 40N.
C. Tỷ xích 1cm ứng với 4N.
D. Tỷ xích 1cm ứng với 20N.



Câu 5. Vận tốc của ô tô là 40 km/ h, của xe máy là 11,6 m/s, của tàu hỏa là 600m/ phút. Cách sắp xếp theo thứ tự vận tốc giảm dần nào sau đây là đúng.

- A. Xe máy – ô tô – tàu hỏa.
- B. Ô tô- tàu hỏa – xe máy.
- C. Tàu hỏa – xe máy – ô tô.
- D. Tàu hỏa – ô tô – xe máy.

Câu 6. Trường hợp nào sau đây ma sát là có hại?

- A. Ma sát giữa đế giày và nền nhà.
- B. Ma sát giữa thức ăn và đôi đũa.
- C. Ma sát giữa bánh xe và trục quay.
- D. Ma sát giữa dây và ròng rọc.

Câu 7. Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?

- A. Hòn đá lăn từ trên núi xuống.
- B. Xe máy chạy trên đường.
- C. Lá rơi từ trên cao xuống.
- D. Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp xe nữa.

Câu 8. Một người đi xe đạp trong 45 phút, với vận tốc 12km/h. Quảng đường người đó đi được là:

- A. 3km.
- B. 4km.
- C. 6km/h.
- D. 9km.

Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

Câu 9. Khi một vật nhúng trong chất lỏng chịu hai lực tác dụng là..... và.....

Câu 10. Độ lớn của vận tốc được tính bằng.....trong một.....

Phần B. TỰ LUẬN

Câu 1. Kể tên các loại lực ma sát? Ma sát sinh ra ở giữa đĩa và xích xe đạp là ma sát gì, có tác hại gì và nêu cách làm giảm?

Câu 2. Thả 2 hòn bi sắt giống hệt nhau, 1 hòn bi vào nước và 1 hòn vào thủy ngân. Hỏi hòn bi nào nổi, hòn bi nào chìm? Tại sao?

Câu 3. Một học sinh chạy xe đạp với tốc độ trung bình 4m/s. Biết nhà cách trường học 1,2km.

a) Hỏi chuyển động của học sinh từ nhà đến trường là chuyển động đều hay chuyển động không đều? Tại sao?

b) Tính thời gian học sinh đó đi từ nhà đến trường?

ĐÁP ÁN**Phần A. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1 – chọn A

Câu 2 – chọn C

Câu 3 – chọn C

Câu 4 – chọn D

Câu 5 – chọn A

Câu 6 – chọn C

Câu 7 – chọn D

Câu 8 – chọn D

Câu 9 – “ trọng lực của vật”; “ lực đẩy Ác si mét”

Câu 10 – “ quãng đường đi được” ; “ đơn vị thời gian”

Phần B. TỰ LUẬN

Câu 1:

- Các lực ma sát: lực ma sát trượt, lực ma sát nghỉ, lực ma sát lăn.
- Ma sát sinh ra ở giữa đĩa và xích xe đạp là ma sát trượt.
- Tác hại làm mòn đĩa và xích. Cần phải tra dầu vào xích để làm giảm ma sát

Câu 2:

- Hòn bi thả vào nước chìm. Vì $d_{\text{sắt}} > d_{\text{nước}}$
- Hòn bi thả vào thủy ngân nổi. Vì $d_{\text{sắt}} < d_{\text{Hg}}$

Câu 3:

a. Chuyển động của học sinh là chuyển động không đều.

Vì từ nhà đến trường có đoạn học sinh chạy nhanh, có đoạn học sinh chạy chậm.

b. Tóm tắt:

$$v_{tb} = 4\text{m/s}$$

$$s = 1,2\text{km} = 1200\text{m}$$

$$t = ?$$

Giải

Thời gian học sinh đi từ nhà đến trường:

$$v_{tb} = \frac{s}{t} \Rightarrow t = \frac{s}{v_{tb}} = \frac{1200}{4} = 300(\text{s}) = 5(\text{phút})$$

2. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 2

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

NĂM HỌC: 2020-2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút**A – TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?

- A. Hòn đá lăn từ trên núi xuống.
- B. Xe máy chạy trên đường.
- C. Lá rơi từ trên cao xuống.
- D. Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp xe nữa.

Câu 2: Tại sao nói Mặt Trời chuyển động so với Trái Đất:

- A. Vì vị trí của Mặt Trời so với Trái Đất thay đổi.
- B. Vì khoảng cách giữa Mặt Trời và Trái Đất thay đổi.
- C. Vì kích thước của Mặt Trời so với Trái Đất thay đổi.
- D. Cả 3 lí do trên.

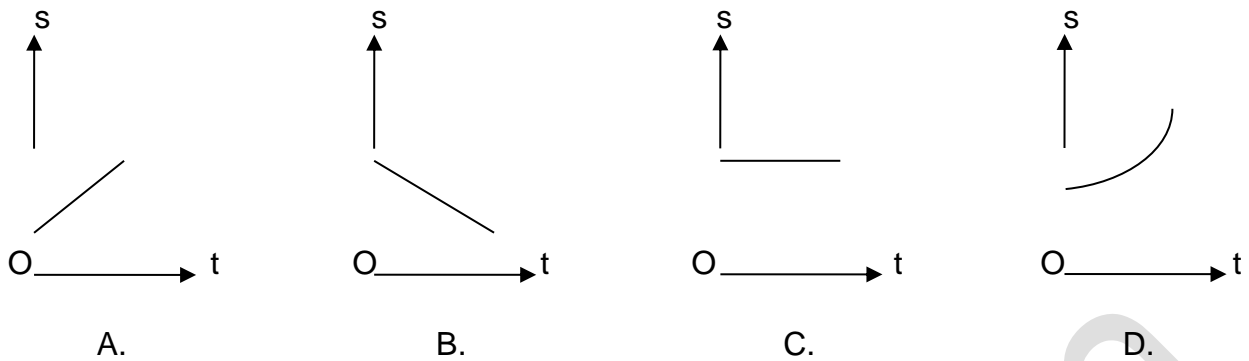
Câu 3: Trường hợp nào sau đây ma sát là có hại?

- A. Ma sát giữa đế giày và nền nhà.
- B. Ma sát giữa thức ăn và đôi đũa.
- C. Ma sát giữa bánh xe và trục quay.
- D. Ma sát giữa dây và ròng rọc.

Câu 4: Một người đi xe đạp trong 45 phút, với vận tốc 12km/h. Quãng đường người đó đi được là:

- A. 3km. B. 4km. C. 6km/h. D. 9km.

Câu 5: Một ô tô chuyển động ngày càng xa bến O. Đồ thị nào diễn tả đúng quãng đường đi được của ô tô theo thời gian.



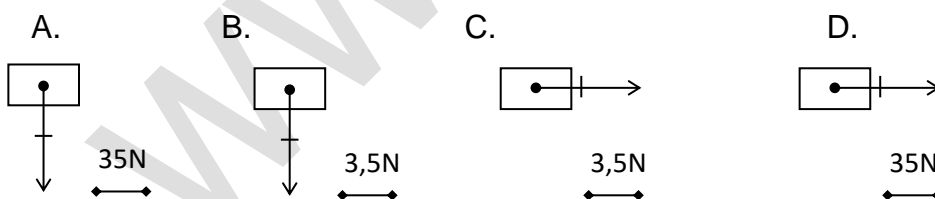
Câu 6: Khi nằm trên đệm mút ta thấy êm hơn khi nằm trên phản gỗ. Tại sao vậy?

- A. Vì đệm mút mềm hơn phản gỗ nên áp suất tác dụng lên người giảm.
- B. Vì đệm mút dày hơn phản gỗ nên áp suất tác dụng lên người giảm.
- C. Vì đệm mút dễ biến dạng để tăng diện tích tiếp xúc vì vậy giảm áp suất tác dụng lên thân người.
- D. Vì lực tác dụng của phản gỗ vào thân người lớn hơn.

Câu 7: Trong các chuyển động sau, chuyển động nào là đều:

- A. Chuyển động của xe buýt từ Thủy Phù lên Huế
- B. Chuyển động của quả dưa rơi từ trên cây xuống
- C. Chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất
- D. Chuyển động của đầu cánh quạt

Câu 8: Hình nào sau đây biểu diễn đúng trọng lực của vật có khối lượng 7kg?



Câu 9: Độ lớn của vận tốc được tính bằng(1).....trong một(2).....thời gian.

Câu 10: Lực ma sát nghỉ(3).....cho vật không trượt khi vật bị tác dụng của(4).....

B – TỰ LUẬN

Câu 1: Hai xe đạp chuyển động đều. Xe thứ nhất đi được 5km trong 30 phút; xe thứ hai có vận tốc 12km/h. Xe nào chạy nhanh hơn?

Câu 2: Một xe vận tải có khối lượng 2,4 tấn, có 4 bánh xe. Áp suất của xe tác dụng lên mặt đường là $5 \cdot 10^4$ pa.

a. Tính diện tích tiếp xúc của mỗi bánh xe lên mặt đường?

b. Nếu xe chở 3 tấn hàng thì áp suất của xe tác dụng lên mặt đường là bao nhiêu? (Biết rằng khi đó diện tích tiếp xúc của mỗi bánh xe tăng thêm 300cm^2)

ĐÁP ÁN

A – TRẮC NGHIỆM

Câu 1 – chọn D

Câu 2 – chọn A

Câu 3 – chọn C

Câu 4 – chọn D

Câu 5 – chọn A

Câu 6 – chọn C

Câu 7 – chọn C

Câu 8 – chọn A

Câu 9: (1) quãng đường đi được (2) đơn vị

Câu 10: (3) giữ (4) lực khác

B - TỰ LUẬN

Câu 1:

Tóm tắt

Giải:

$s_1 = 5\text{km}$

Vận tốc xe thứ nhất:

$$t_1 = 30 \text{ phút} = \frac{1}{2} \text{ h}$$

$$v_1 = \frac{s_1}{t_1} = \frac{5}{\frac{1}{2}} = 10 \text{ km/h}$$

$$v_2 = 12 \text{ km/h}$$

Do $v_2 = 12 \text{ km/h} > v_1 = 10 \text{ km/h}$ nên xe thứ hai chạy nhanh hơn.

So sánh: $v_1 ? v_2$

Câu 2:

Tóm tắt

$$m_1 = 2,4 \text{ tấn} \Rightarrow P_1 = 24000 \text{ N}$$

$$p_1 = 5 \cdot 10^4 \text{ pa}$$

$$\text{a. } S_1 = ?$$

là:

$$\text{b. } m_2 = 3 \text{ tấn} \Rightarrow P_2 = 30000 \text{ N}$$

$$S_2 = 300 \text{ cm}^2 = 0,03 \text{ m}^2$$

là:

$$p = ?$$

tấn hàng là:

Giải:

a. Diện tích tiếp xúc của 4 bánh xe lên mặt đường là:

$$p_1 = \frac{F}{S} = \frac{P}{S} \Rightarrow S = \frac{P}{p} = \frac{24000}{50000} = 0,48 \text{ m}^2$$

Diện tích tiếp xúc của mỗi bánh xe lên mặt đường

$$S_1 = \frac{0,48}{4} = 0,12 \text{ m}^2$$

b. Diện tích tiếp xúc của 4 bánh xe khi chở 3 tấn hàng

$$S_3 = (S_1 + S_2) \cdot 4 = (0,12 + 0,03) \cdot 4 = 0,6 \text{ m}^2$$

Áp suất của xe tác dụng lên mặt đường khi chở 3

$$p = \frac{P}{S_3} = \frac{P_1 + P_2}{S_2} = \frac{24000 + 30000}{0,6} = 90000 \text{ pa}$$

3. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 3

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS TÂN TẠO

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý**Thời gian làm bài: 45 phút****I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Có một ô tô đang chạy trên đường. Câu phát biểu nào là không đúng?

- A. Ô tô chuyển động so với mặt đường.
- B. Ô tô đứng yên so với người lái xe
- C. Ô tô chuyển động so với người lái xe
- D. Ô tô chuyển động so với cây bên đường.

Câu 2: Một ô tô có vận tốc 36km/h, vận tốc này bằng với:

- A. 10m/s
- B. 3m/s
- C. 36m/s
- D. 0,9 m/s

Câu 3: Ba vật làm bằng ba chất khác nhau là đồng, sắt, nhôm, có lượng bằng nhau. Khi nhúng chúng ngập vào trong nước thì lực đẩy nước tác dụng vào vật nào là lớn nhất ?

- A. Vật làm bằng đồng
- B. Vật làm bằng nhôm
- C. vật làm bằng sắt
- D. Cả ba vật như nhau

Câu 4: Một nhóm học sinh đẩy một xe chở đất đi từ A đến B trên một đoạn đường bằng phẳng nằm ngang. Tới B đổ hết đất trên xe xuống rồi lại đẩy xe không đi theo đường cũ về A. So sánh công sinh ra ở lượt đi và lượt về.

- A. Công ở lượt đi bằng công ở lượt về vì đoạn đường đi được như nhau
- B. Công ở lượt đi lớn hơn vì lực kéo ở lượt đi lớn hơn lực kéo ở lượt về
- C. Công ở lượt về lớn hơn vì xe không thì đi nhanh hơn.
- D. Công ở lượt đi nhỏ hơn vì kéo xe nặng thì đi chậm hơn.

Câu 5: Một người công nhân dùng ròng rọc động để nâng một vật lên cao 7m với lực kéo ở đầu dây tự do là 160N. Hỏi người công nhân đó đã thực hiện một công bằng bao nhiêu?

A. 1120J B. 2420J C. 22400J D. 2240J

Câu 6: Khi vị trí của một vật theo thời gian so với vật mốc, ta nói vật ấy đang chuyển động so với đó.

Câu 7: Khi kéo hộp gỗ trượt trên bàn, giữa mặt bàn và hộp gỗ xuất hiện.....

Câu 8: Công cơ học phụ thuộc hai yếu tố : tác dụng vào vật và vật dịch chuyển.

II/ PHẦN TỰ LUẬN.

Câu 1: Hãy cho biết độ lớn của vận tốc biểu thị tính chất nào của chuyển động. Viết công thức tính vận tốc và đơn vị các đại lượng trong công thức.

Câu 2: Hãy trình bày cách biểu diễn vectơ lực:

Câu 3: Hai lực cân bằng là gì? Vật chịu tác dụng của hai lực cân bằng sẽ như thế nào ?

Câu 4: Một người đi xe đạp đạp đều từ chân dốc lên đỉnh dốc cao 5m. Dốc dài 40m. Tính công do người đó sinh ra. Biết rằng lực ma sát cản trở xe chuyển động trên mặt đường là 20N, người và xe có khối lượng là 60kg.

ĐÁP ÁN

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM.

Câu 1 – chọn C

Câu 2 – chọn A

Câu 3 – chọn B

Câu 4 – chọn B

Câu 5 – chọn D

Câu 6 – “ thay đổi”; “ vật mốc”

Câu 7 – “ lực ma sát trượt”

Câu 8 – “ lực”; “ quãng đường”

II/ PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1:

- Vận tốc cho biết sự nhanh, chậm của chuyển động và được xác định bằng độ dài quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

- Công thức tính vận tốc:

$$v = \frac{s}{t}$$

Trong đó:

+ v là vận tốc, có đơn vị là m/s; km/h.

+ s là quãng đường đi được, đơn vị là m; km.

+ t là thời gian để đi hết quãng đường đó, đơn vị là s; h.

Câu 2:

Để biểu diễn vectơ lực người ta dùng một mũi tên có:

+ Gốc là điểm mà lực tác dụng lên vật (gọi là điểm đặt của lực)

+ Phương và chiều trùng với phương và chiều của lực.

+ Độ dài biểu diễn cường độ (độ lớn) của lực theo một tỉ xích cho trước.

Câu 3:

- Hai lực cân bằng là hai lực cùng đặt lên một vật, có cường độ bằng nhau, phương cùng nằm trên một đường thẳng, chiều ngược nhau.

- Dưới tác dụng của hai lực cân bằng thì vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên, vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều mãi mãi.

Câu 4:

Người và xe có khối lượng $m = 60\text{kg}$ nghĩa là trọng lượng bằng:

$$P = 10.m = 10.60 = 600\text{N}.$$

Công hao phí do lực ma sát sinh ra là:

$$A_1 = F_{ms}.s = 20.40 = 800\text{J}$$

$$\text{Công có ích là: } A_2 = P.h = 600.5 = 3000\text{J}$$

Công của người sinh ra bao gồm công để thắng được lực ma sát và công đưa người lên cao:

$$A = A_1 + A_2 = 800\text{J} + 3000\text{J} = 3800\text{J}$$

4. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 4**ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8****TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÁM****NĂM HỌC: 2020 - 2021****MÔN: Vật Lý****Thời gian làm bài: 45 phút**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: Tìm trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào là chuyển động không đều?

- A. Chuyển động quay của Trái Đất xung quanh trục của nó.
- B. Chuyển động quay của cánh quạt điện khi nguồn điện đã ổn định.
- C. Chuyển động của kim phút đồng hồ.
- D. Chuyển động của một quả bóng đá lăn xuống dốc.

Câu 2. Trong các trường hợp lực xuất hiện sau đây, trường hợp nào không phải là lực ma sát?

- A. Lực xuất hiện khi một vật trượt trên bề mặt một vật khác.
- B. Lực xuất hiện có tác dụng làm mòn lốp xe.
- C. Lực xuất hiện khi dây cao su bị dãn.
- D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ sát với nhau.

Câu 3: Một vật chuyển động thẳng đều, thời gian để vật chuyển động hết quãng đường dài 4,8 m là 10 phút. Tốc độ chuyển động vật là:

- A. 4,8 m/ph
- B. 48 m/ph
- C. 0,48 m/ph
- D. 480m/ph

Câu 4: Khi nói lực là đại lượng véctơ, bởi vì

- A. Lực có độ lớn, phương và chiều
- B. Lực làm cho vật bị biến dạng
- C. Lực làm cho vật thay đổi tốc độ
- D. Lực làm cho vật chuyển động

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Một em học sinh đạp xe đạp đều từ nhà đến trường, trong 12 phút đi được 2700m.

- a) Tính vận tốc của em học sinh đó?
- b) Quãng đường từ nhà đến trường là 3,6km. Hỏi em học sinh đó đi xe đạp với vận tốc trên thì mất thời gian bao lâu?

Câu 2. Kể tên các loại lực ma sát? Ma sát sinh ra ở giữa đĩa và xích xe đạp là ma sát gì, có tác hại gì và nêu cách làm giảm?

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

Câu 1 – chọn D

Câu 2 – chọn C

Câu 3 – chọn C

Câu 4 – chọn A

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1:

a. $t = 12 \text{ phút} = 720\text{s}$.

Vận tốc của em học sinh đó là: $v = \frac{s}{t}$

$$v = \frac{S}{t} = \frac{2700}{720} = 3,75\text{m/s}.$$

b. $s = 3,6\text{km} = 3600\text{m}$.

Thời gian em học sinh đi từ nhà đến trường là $t = \frac{s}{v}$

$$t = \frac{S}{v} = \frac{3600}{3,75} = 960\text{s} = 16 \text{ phút}.$$

Câu 2:

- Các lực ma sát: lực ma sát trượt, lực ma sát nghỉ, lực ma sát lăn.
- Ma sát sinh ra ở giữa đĩa và xích xe đạp là ma sát trượt.
- Tác hại làm mòn đĩa và xích. Cần phải tra dầu vào xích để làm giảm ma sát

5. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 5

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ LẦN 1

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm khách quan:

Câu 1 : Một vật chuyển động so với vật mốc khi:

- A. Khoảng cách so vật mốc thay đổi.
- B. Thời gian so với vật mốc thay đổi.
- C. Vị trí của vật so với vật mốc thay đổi.
- D. Vận tốc so với vật mốc thay đổi.

Câu 2: Một học sinh đi bộ từ nhà đến trường trên đoạn đường 3,6km, trong thời gian 40 phút. Vận tốc của học sinh đó là:

- A. 19,44m/s
- B. 15m/s
- C. 1,5m/s
- D. 2/3m/s

Câu 3: Mặt lốp xe ô tô, xe máy có khía rãnh để:

- A. Tăng ma sát
- B. Giảm ma sát
- C. Tăng quán tính
- D. Giảm quán tính

Câu 4: Vật sẽ như thế nào khi chịu tác dụng của hai lực cân bằng?

- A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động nhanh dần.
- B. Vật đang chuyển động sẽ dừng lại.
- C. Vật đang chuyển động đều sẽ không còn chuyển động đều nữa.
- D. Vật đang đứng yên sẽ đứng yên, vật đang chuyển động sẽ chuyển động thẳng đều

Câu 5: Móc một quả nặng vào lực kế, số chỉ của lực kế 20 N. Nhúng chìm quả nặng vào trong nước, số chỉ của lực kế thay đổi như thế nào?

- A. Tăng lên
- B. Giảm đi
- C. Không thay đổi
- D. chỉ số 0

Câu 6: Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, các mực chất lỏng ở các nhánh luôn ở:

- A. độ cao khác nhau.
- B. cùng một độ cao.
- C. chênh lệch nhau.
- D. không như nhau.

II. Tự Luận:

Câu 1: Thế nào là chuyển động đều?

Câu 2: Hãy biểu diễn lực sau: Lực kéo của xe tải 15000N theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải (tỉ xích 1cm ứng với 5000 N)

Câu 3: Khi đi qua chỗ bùn lầy, người ta thường dùng 1 tấm ván đặt lên trên để đi. Hãy giải thích vì sao?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1 – chọn C

Câu 2 – chọn C

Câu 3 – chọn A

Câu 4 – chọn D

Câu 5 – chọn B

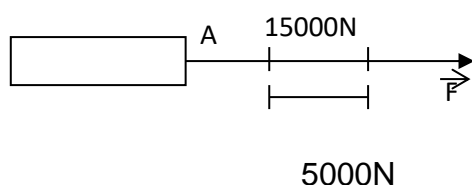
Câu 6 – chọn B

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Chuyển động đều là chuyển động mà vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.

Câu 2:

Biểu diễn lực:



Câu 3: Vì diện tích tiếp xúc giữa tấm ván và mặt bùn lớn hơn giữa bàn chân và mặt bùn nên khi đi trên đó thì áp suất gây ra trên mặt bùn được giảm đi và do đó mặt bùn đỡ bị lún so với khi không có ván.

6. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 6

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ LẦN 2

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Độ lớn của vận tốc cho biết:

A. Quãng đường dài hay ngắn của chuyển động

- B. Mức độ nhanh hay chậm của chuyển động
- C. Thời gian dài hay ngắn của chuyển động
- D. Thời gian và quãng đường của chuyển động

Câu 2: Một học sinh đi bộ từ nhà đến trường trên đoạn đường 3,6km, trong thời gian 40 phút. Vận tốc của học sinh đó là:

- A. 19,44m/s B. 15m/s C. 1,5m/s D. 2/3m/s

Câu 3: Tay ta cảm nắm được các vật là nhờ:

- A. Ma sát trượt
- B. Ma sát nghỉ
- C. Ma sát lăn
- D. Quán tính

Câu 4: Hai lực cân bằng là hai lực:

- A. cùng điểm đặt, cùng phương, cùng chiều và cường độ bằng nhau.
- B. cùng điểm đặt, cùng phương, ngược chiều và cường độ bằng nhau.
- C. đặt trên hai vật khác nhau, cùng phương, cùng chiều và cường độ bằng nhau.
- D. đặt trên hai vật khác nhau, cùng phương, ngược chiều và cường độ bằng nhau.

II. Tự Luận

Câu 1: Thế nào là chuyển không đều?

Câu 2: Hãy biểu diễn lực sau: Lực kéo vật có phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái và có độ lớn 2000 N (1 cm ứng với 500N).

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1 – chọn B

Câu 2 – chọn C

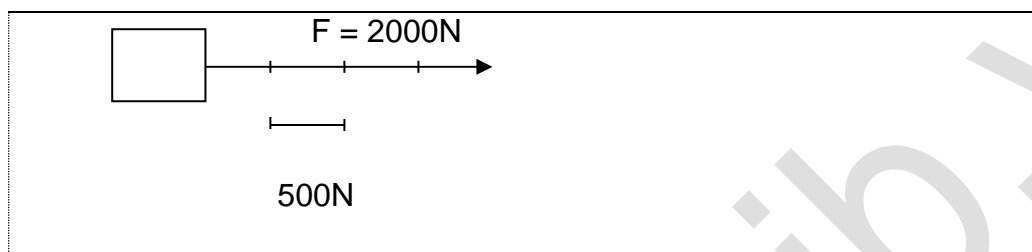
Câu 3 – chọn B

Câu 4 – chọn B

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Chuyển động không đều là chuyển động mà vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian

Câu 2:



7. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 7

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS ĐỒNG HIỆP

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Chọn phương án trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào *không đúng*?

- A. Ô tô chuyển động trên đường, vật làm mốc là cây xanh bên đường.
- B. Chiếc thuyền chuyển động trên sông, vật làm mốc là người lái thuyền.
- C. Tàu hỏa rời ga chuyển động trên đường sắt, vật làm mốc là nhà ga.
- D. Quả bóng rơi từ trên cao xuống đất, vật làm mốc là mặt đất.

Câu 2. Trong các trường hợp lực xuất hiện sau đây, trường hợp nào không phải là lực ma sát?

- A. Lực xuất hiện khi một vật trượt trên bề mặt một vật khác.
- B. Lực xuất hiện có tác dụng làm mòn lốp xe.
- C. Lực xuất hiện khi dây cao su bị dãn.
- D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ sát với nhau.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Một em học sinh đạp xe đạp đều từ nhà đến trường, trong 12 phút đi được 2700m.

- a) Tính vận tốc của em học sinh đó?
- b) Quãng đường từ nhà đến trường là 3,6km. Hỏi em học sinh đó đi xe đạp với vận tốc trên thì mất thời gian bao lâu?

Câu 2.

- a) Một vật có dạng hình lập phương nặng 2 tấn đặt trên mặt phẳng ngang. Hỏi áp suất vật tác dụng lên mặt ngang là bao nhiêu? Biết độ dài của mỗi cạnh hình lập phương là 80cm.
- b) Một cái phao nổi trong bình nước, bên dưới treo một quả cầu bằng chì. Mực nước trong bình thay đổi thế nào nếu dây treo bị đứt.

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1 – chọn B

Câu 2 – chọn C

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1:

a. $t = 12 \text{ phút} = 720\text{s}$.

Vận tốc của em học sinh đó là: $v = \frac{s}{t}$

$$v = \frac{S}{t} = \frac{2700}{720} = 3,75 \text{m/s.}$$

$$\text{b. } s = 3,6 \text{km} = 3600 \text{m.}$$

Thời gian em học sinh đi từ nhà đến trường là $t = \frac{S}{v}$

$$t = \frac{S}{v} = \frac{3600}{3,75} = 960 \text{s} = 16 \text{ phút.}$$

Câu 2:

$$\text{a. } m = 2t = 2000 \text{kg.}$$

Áp lực của vật tác dụng lên mặt phẳng: $F = P$

$$\text{Ta có: } P = 10 \cdot m = 10 \cdot 2000 = 20000 \text{(N)}$$

$$a = 80 \text{cm} = 0,8 \text{m.}$$

$$\text{Diện tích bị ép là: } S = a^2 = 0,8^2 = 0,64 \text{(m}^2\text{)}$$

Áp suất mà vật tác dụng lên mặt ngang là: $p = \frac{F}{S}$

$$p = \frac{F}{S} = \frac{20000}{0,64} = 31250 \text{(N / m}^2\text{)}$$

b. Gọi thể tích phần chìm của phao lúc đầu là V_c , thể tích quả cầu V , trọng lượng tương ứng là P_1 và P_2

Lúc đầu hệ nổi cân bằng ta có $(V_c + V)d_n = P_1 + P_2$

$$V_c d_n + V d_n = P_1 + P_2 \quad (1)$$

Khi dây bị đứt quả cầu chìm xuống, gọi thể tích phần chìm của phao lúc này là V_c'

Ta có: $V_c' d_n + V d_n < P_1 + P_2$ (vì $V d_n < P_2$) (2)

Từ (1),(2) ta có: $V_c' d_n + V d_n < V_c d_n + V d_n \rightarrow V_c' d_n < V_c d_n$ hay $V_c' < V_c$

Vậy thể tích chiếm chỗ của phao lúc sau nhỏ hơn thể tích chiếm chỗ của phao lúc trước nên mực nước trong bình giảm xuống.

8. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 8

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS HÒA BÌNH

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Tìm trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào là chuyển động không đều?

- A. Chuyển động quay của Trái Đất xung quanh trục của nó.
- B. Chuyển động quay của cánh quạt điện khi nguồn điện đã ổn định.
- C. Chuyển động của kim phút đồng hồ.
- D. Chuyển động của một quả bóng đá lăn xuống dốc.

Câu 2: Một chiếc thuyền chuyển động trên sông, câu nhận xét nào dưới đây không đúng?

- A. Thuyền chuyển động so với người lái thuyền.
- B. Thuyền chuyển động so với bờ sông.
- C. Thuyền đứng yên so với người lái thuyền.
- D. Thuyền chuyển động so với cây cối trên bờ.

Câu 3: Một vật chuyển động thẳng đều, thời gian để vật chuyển động hết quãng đường dài 4,8 m là 10 phút. Tốc độ chuyển động vật là:

- A. 4,8 m/ph
- B. 48 m/ph

C. 0,48 m/ph

D. 480m/ph

Câu 4: Khi nói lực là đại lượng véctơ, bởi vì

A. Lực có độ lớn, phương và chiều

B. Lực làm cho vật bị biến dạng

C. Lực làm cho vật thay đổi tốc độ

D. Lực làm cho vật chuyển động

Câu 5: Một vật đang chuyển động chịu tác dụng của hai lực cân bằng, thì

A. vật chuyển động với tốc độ tăng dần.

B. vật chuyển động với tốc độ giảm dần.

C. Hướng chuyển động của vật thay đổi.

D. Vật giữ nguyên tốc độ.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Biểu diễn lực sau đây:

Lực kéo 15 000N theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải

(tỉ lệ xích 1cm ứng với 5 000N)

Câu 2: Một vật nặng 420N được đưa lên cao 4m theo phương thẳng đứng:

a) Hãy tính công của lực kéo vật lên

b) Nếu sử dụng hệ thống gồm một ròng rọc động thì lực kéo vật đó lên là bao nhiêu Niuton và phải kéo dây một đoạn dài bao nhiêu mét?

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1 – D

Câu 2 – A

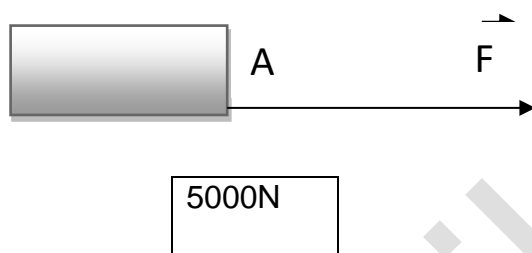
Câu 3 – C

Câu 4 – A

Câu 5 - D

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1:



Câu 2:

a) Công của vật kéo vật lên là:

$$A = P \cdot h = 420 \cdot 4 = 1\,680 \text{ (J)}$$

b) Sử dụng hệ thống gồm một ròng rọc động được lợi 2 lần về lực nên lực kéo vật bằng nửa trọng lượng vật.

$$F = P/2 = 420/2 = 210 \text{ (N)}$$

Do được lợi 2 lần về lực nên bị thiệt hai lần về đường đi (chiều dài dây kéo vật).

$$l = 2h = 2 \cdot 4 = 8 \text{ (m)}$$

Đáp số: 1 680(J), 210(N), 8(m)

9. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 9

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS BÀU HÀM

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm: Chọn đáp án đúng nhất trong các phương án trả lời sau.

Câu 1. Dụng cụ để xác định sự nhanh chậm của chuyển động của một vật gọi là:

- A. Vôn kế.
- B. Nhiệt kế.
- C. Tốc kế
- D. Am pe kế

Câu 2. Một ca nô chuyển động đều từ A đến bến B với vận tốc 30 km/h, hết 45 phút. Quãng đường AB dài:

- A. 135 km
- B. 22,5 km
- C. 40 km
- D. 135 m.

Câu 3. Tay ta cảm nắm được các vật là nhờ có:

- A. Quán tính
- B. Ma sát lăn
- C. Ma sát trượt
- D. Ma sát nghỉ

II. Tự luận

Câu 1. Một ô tô chạy xuống một cái dốc dài 30 km hết 45 phút, xe lại tiếp tục chạy thêm một quãng đường nằm ngang dài 90 km hết $\frac{3}{2}$ giờ. Tính vận tốc trung bình (ra km/h; m/s):

a) Trên mỗi quãng đường?

b) Trên cả quãng đường?

Câu 2. Một khí cầu có thể tích 10 m^3 chứa hiđrô, có thể kéo lên trên không một vật nặng bằng bao nhiêu? Biết khối lượng của vỏ khí cầu là 10 kg . Khối lượng riêng của không khí $D_k = 1,29 \text{ kg/m}^3$, của hiđrô là $D_H = 0,09 \text{ kg/m}^3$.

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

Câu 1 – chọn C

Câu 2 – chọn B

Câu 3 – chọn D

II. Tự luận

Câu 1: a. Đổi $45 \text{ phút} = 0,75 \text{ h}$

Vận tốc trung bình của xe trên quãng đường dốc là:

$$v_{tb1} = \frac{s_1}{t_1} = \frac{30}{0,75} = 40 \text{ (km/h)} \approx 11,1 \text{ (m/s)}$$

Vận tốc trung bình của xe trên quãng đường nằm ngang là:

$$v_{tb2} = \frac{s_2}{t_2} = \frac{90}{1,5} = 60 \text{ (km/h)} \approx 16,67 \text{ (m/s)}$$

b. Vận tốc trung bình trong cả đoạn đường dốc và nằm ngang là:

$$v_{tb} = \frac{s_1 + s_2}{t_1 + t_2} = \frac{30 + 90}{0,75 + 1,5} \approx 53,3 \text{ (km/h)} \approx 14,8 \text{ (m/s)}$$

Vậy vận tốc trung bình của xe trên cả quãng dốc và ngang là: $53,3 \text{ km/h}$ hay $14,8 \text{ m/s}$

Câu 2: Gọi m_v là khối lượng lớn nhất của vật mà khí cầu có thể kéo lên được.

- Trọng lượng của khí hiđrô trong khí cầu:

$$P_H = 10m_H = 10.D_H.V_H = 9 \text{ (N)}$$

- Trọng lượng của khí cầu: $P_{kc} = P_{v0} + P_H = 10.m_{v0} + 9 = 109 \text{ (N)}$

- Lực đẩy Ácsimét tác dụng lên khí cầu:

$$F_{1A} = d_k.V_k = 10.D_k.V_k = 129 \text{ (N)}$$

- Trọng lượng tối đa của vật mà khí cầu có thể kéo lên là:

$$P_v = F_{1A} - P_{kc} = 20 \text{ (N)} \Rightarrow m_v = P_v/10 = 2 \text{ (kg)}$$

10. Đề thi giữa HK1 Vật Lý 8 số 10

ĐỀ THI GIỮA HK1 LỚP 8

TRƯỜNG THCS BÀU MÂY

NĂM HỌC: 2020 - 2021

MÔN: Vật Lý

Thời gian làm bài: 45 phút

A. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Khi nào một vật coi là đứng yên so với vật mốc?

- A. Khi vật đó không chuyển động.
- B. Khi vật đó không chuyển động theo thời gian.
- C. Khi khoảng cách từ vật đó đến vật mốc không đổi.
- D. Khi vật đó không đổi vị trí theo thời gian so với vật mốc.

Câu 2. Thế nào là chuyển động không đều?

- A. Là chuyển động có vận tốc thay đổi theo thời gian.
- B. Là chuyển động có vận tốc không đổi.
- C. Là chuyển động có vận tốc như nhau trên mọi quãng đường.

D. Là chuyển động có vận tốc không thay đổi theo thời gian.

Câu 3. Trường hợp nào dưới đây xuất hiện lực ma sát lăn

A. Ma sát giữa má phanh và vành bánh xe khi phanh xe.

B. Ma sát giữa các viên bi với trục của bánh xe.

C. Ma sát khi dùng xe kéo một khúc cây mà khúc cây vẫn đứng yên.

D. Ma sát khi đánh diêm.

Ghép nội dung cột A với cột B để được câu hoàn chỉnh

A	Cột nối	B
1/ Công thức tính thời gian vật chuyển động		a/ Điểm đặt, phương, chiều, cường độ.
2/ Quán tính là		b/ $p = d.h$
3/ Công thức tính áp suất chất lỏng		c/ $t = s/v$
4/ Các yếu tố về lực		d/ Nguyên nhân làm vật không thay đổi vận tốc đột ngột được
5/ Vận tốc không thay đổi		

B. Phân tự luận

Câu 1:

a/ Viết công thức tính vận tốc? Nêu các đơn vị, giải thích các đại lượng trong công thức?

b/ Bạn Tám đi bộ từ nhà đến trường với vận tốc 4 km/h mất thời gian 0,5 giờ. Tính quãng đường từ nhà bạn Tám đến trường?

Câu 2:

a/ Một vật đang chuyển động chịu tác dụng của hai lực cân bằng thì vật đó sẽ chuyển động như thế nào?

b/ Biểu diễn lực kéo 150 000 N theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải (Tỉ xích 1cm ứng với 50 000N)

ĐÁP ÁN

A. Phần trắc nghiệm

Câu 1 – chọn D

Câu 2 – chọn A

Câu 3 – chọn C

Ghép cột: 1 – c; 2 – d; 3 – b; 4 – a.

B. Phần tự luận

Câu 1:

a) $v = \frac{s}{t}$

Trong đó: v là vận tốc(km/h); s là quãng đường(km);

t là thời gian(h)

b) Từ công thức: $v = \frac{s}{t} \Rightarrow s = v.t$

Do đó $s = 4.0,5 = 2$ (km)

Câu 2:

a/ Vật đó vẫn tiếp tục chuyển động thẳng đều

b/ Biểu diễn lực:

